|  |  |
| --- | --- |
|  UBND HUYỆN THANH OAI **TRƯỜNG TIỂU HỌC TT KIM BÀI**Số: 149 /KH-THKB | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Kim Bài, ngày 11 tháng 9 năm 2022* |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2022 – 2023**

**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học;

Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

 Căn cứ công văn hướng dẫn số: 2598/SGDĐT-GDPT ngày 31/8/2022 của Sở GDĐT Hà Nội về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục Tiểu học năm học 2022- 2023;

 Căn cứ kế hoạch số: 805/KH- PGD&ĐT ngày 05/9/2022 của Phòng GD&ĐT Thanh Oai về việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 – 2023 cấp Tiểu học;

Căn cứ vào kết quả đạt được từ năm học 2021 - 2022 và tình hình thực tế của nhà trường trong năm học 2022 - 2023.

Trường tiểu học thị trấn Kim Bài xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2022 - 2023 như sau:

**II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2022 - 2023**

**1. Đặc điểm tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa địa phương**

Thị trấn Kim Bài là đơn vị đóng trên địa bàn trung tâm huyện Thanh Oai. Mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, song với sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sâu sát của Huyện ủy, giám sát kịp thời của Hội đồng nhân dân huyện, cùng với tinh thần trách nhiệm cao của các cấp, các ngành, sự đồng lòng, quyết tâm của Nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian qua đạt nhiều kết quả quan trọng.

Trong năm qua tuy ảnh hưởng của dịch Covid-19 nhưng kinh tế của thị trấn vẫn tăng tưởng cao. Giá cả của một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu trên địa bàn thị trấn tương đối ổn định. Thị trường hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn không có diễn biến bất thường, nguồn cung các mặt hàng thiết yếu đáp ứng đầy đủ và không bị khan hiếm về số lượng, không tăng giá đột biến

Đối với Giáo dục và Đào tạo tập trung chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết của HĐND thành phố về phát triển giáo dục mầm non và phổ thông đến năm 2025 và những năm tiếp theo; tuyển dụng giáo viên bậc mầm non, tiểu học; xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất chuẩn bị triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới. Chất lượng giáo dục toàn diện ổn định; giáo dục mũi nhọn đạt thành tích xuất sắc, Kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở được củng cố và giữ vững. Tập trung xây dựng các kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ để triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với khối lớp 3.

 **2. Đặc điểm tình hình nhà trường.**

 **2.1. Đặc điểm học sinh nhà trường.**

Nhà trường được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo Thanh Oai; Đảng ủy, chính quyền và nhân dân thị trấn Kim Bài và Ban đại diện Cha mẹ học sinh.

Năm học 2022-2023 nhà trường có 22 lớp với 862 học sinh, trong đó nữ 395 học sinh; học sinh dân tộc 06 em. Tỷ lệ huy động trẻ đúng độ tuổi vào lớp 1 đạt 100% .

**2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên nhà trường**

- Về số lượng: Tổng số cán bộ, viên chức: 41 đ/c Trong đó :

+ Cán bộ quản lý : 02 đ/c,

+ Giáo viên có 28 đ/c biên chế; 02 giáo viên hợp đồng trường.

+ Viên chức phục vụ có: 04 đ/c

+ Nhân viên HĐ 68: 04 đ/c

- Về chất lượng: Cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên đều đạt chuẩn nghiệp vụ sư phạm, trong đó: trên chuẩn là 31 đ/c, đạt 100 % (Thông tư 41/TT- BGD-ĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010) nên có năng lực công tác, giảng dạy có chất lượng. Hàng năm được bồi dưỡng, học tập thường xuyên, để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

- Số lượng đảng viên là 23 đ/c đạt tỷ lệ 56.1%.

**2.3. Về cơ sở vật chất.**

 Tổng số phòng học có 22 phòng học trong đó: kiên cố 22 phòng. Đủ để tổ chức cho học sinh học 2 buổi/ngày. Tất cả các phòng học đều đảm bảo cho việc dạy và học của nhà trường.

 **III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2022 - 2023**

 **1.1. Mục tiêu chung**

 Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực. Mỗi ngày đến trường là một ngày vui. Đảm bảo môi trường lành mạnh, thân thiện, an toàn, tạo điều kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, giúp học sinh hình thành và phát triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

**1.2. Mục tiêu cụ thể**

Năm học 2022-2023 là năm học toàn ngành giáo dục thực hiện nhiệm vụ kép với mục tiêu: vừa tích cực thực hiện các giải pháp phòng chống dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp; Nhà trường căn cứ các hướng dẫn của Phòng GDĐT xây dựng kế hoạch dạy học bảo đảm hoàn thành Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) cấp tiểu học phù hợp với diễn biến tình hình dịch bệnh xảy ra tại địa phương. Là năm học thứ ba triển khai CTGDPT 2018 cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (CTGDPT 2018) đối với lớp 1; 2 và 3; thực hiện các nội dung theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội, Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng lộ trình.

Tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng thực hiện CTGDPT đối với lớp 1; 2 và 3; thực hiện rà soát, dự báo quy mô phát triển giáo dục và bố trí quỹ đất để xây dựng CSVC lớp học phù hợp, thuận lợi, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có; khắc phục tình trạng lớp có quy mô lớp học và sĩ số học sinh vượt quá quy định để thực hiện CTGDPT 2018 đáp ứng mục tiêu giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

Triển khai thực hiện CTGDPT 2018 đối với lớp 1; 2 và lớp 3 đảm bảo chất lượng, hiệu quả; tích cực chuẩn bị các điều kiện đảm bảo triển khai thực hiện chương trình đối với lớp 3 từ năm học 2022-2023. Tiếp tục thực hiện hiệu quả CTGDPT cấp tiểu học ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 (CTGDPT 2006) từ lớp 4 đến lớp 5.

Đảm bảo đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đủ về số lượng, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao chất lượng theo chuẩn nghề nghiệp; thực hiện bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để triển khai CTGDPT 2018 theo lộ trình; bồi dưỡng nâng cao năng lực triển khai các nhiệm vụ cho giáo viên đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên tiểu học; tổ chức bồi dưỡng cho 100% giáo viên dạy học lớp 4 về các nội dung bồi dưỡng theo quy định của Bộ GDĐT và hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa lớp 4 cho năm học 2023-2024.

Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng đẩy mạnh phân cấp quản lý, tăng cường quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục. Tăng cường nền nếp, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Chú trọng kết hợp dạy chữ với dạy người, giáo dục ý thức, trách nhiệm của công dân đối với gia đình - nhà trường - xã hội cho học sinh tiểu học. Thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành phù hợp điều kiện từng địa phương.

\* Chỉ tiêu:

- 100% học sinh được học 02 buổi/ngày, 10 buổi/tuần; 100% học sinh khối lớp 1, 2 được học môn Tiếng Anh.

- 100% học sinh có phẩm chất tốt, biết kính trọng thầy cô, người lớn tuổi; biết yêu thương, đoàn kết, giúp đỡ bạn bè; biết giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp và có kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp tốt.

- 100% học sinh lớp 1; 2; 3 được hình thành và phát triển các năng lực cốt lõi, bao gồm các năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; các năng lực đặc thù: Ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.

- 100% học sinh lớp 1, 2, 3, 4 hoàn thành chương trình lớp học; 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học.

- 100% học sinh được giáo dục kỹ năng sống.

**IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

1. **Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hoạt động giáo dục** | **Số tiết lớp 1** | **Số tiết lớp 2** | **Số tiết lớp 3** | **Số tiết lớp 4** | **Số tiết lớp 5** |
| **Tổng** | **HKI** | **HKII** | **Tổng** | **HKI** | **HKII** | **Tổng** | **HKI** | **HKII** | **Tổng** | **HKI** | **HKII** | **Tổng** | **HKI** | **HKII** |
| **1. Môn học bắt buộc** |
| 1 | Tiếng Việt | 420 | 216 | 204 | 350 | 180 | 170 | 280 | 144 | 136 | 280 | 144 | 136 | 280 | 144 | 136 |
| 2 | Toán | 105 | 54 | 51 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 | 175 | 90 | 85 |
| 3 | Đạo đức | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 |
| 4 | Tự nhiên và xã hội | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Giáo dục thể chất | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 6 | Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật) | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 7 | Hoạt động trải nghiệm | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 | 105 | 54 | 51 |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Công nghệ |  |  |  |  |  |  | 35 | 18 | 17 |  |  |  |  |  |  |
| 9 | Kĩ thuật |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 35 | 18 | 17 | 35 | 18 | 17 |
| 10 | Lịch sử Địa Lí |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 11 | Khoa học |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 12 | Tiếng Anh |  |  |  |  |  |  | 140 | 72 | 68 |  |  |  |  |  |  |
| 13 | Tin học |  |  |  |  |  |  | 35 | 18 | 17 |  |  |  |  |  |  |
| **2. Môn học tự chọn** |
| 14 | Tiếng Anh (Tự chọn) | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |  |  |  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| 15 | Tin học |  |  |  |  |  |  | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 | 70 | 36 | 34 |
| **3. Hoạt động củng cố, tăng cường** |
| 16 | Tăng cường Tin học |  |  |  |  |  |  | 35 | 18 | 15 |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | **945** | **486** | **459** | **945** | **486** | **459** | **1128** | **576** | **552** | **945** | **486** | **459** | **945** | **486** | **459** |

### 2. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | Chủ điểm | Nội dung trọng tâm | Hình thức tổ chức | Thời gian thực hiện | Người thực hiện | Lực lượng cùng tham gia |
| Tháng 9 | Chào năm học mới | Phát động chủ điểm năm học, hướng dẫn HS học online | Online | 05/9 | Tổng phụ trách | GVCN các lớp |
| Tháng 10 | Mừng ngày giải phóng thủ đô | Kể chuyện về Thủ đô ngàn năm văn hiến | Tập trung | 11/10 | Học sinh | Toàn trường |
| Tháng 11 | Biết ơn thầy cô giáo | Hội thi văn nghệ Chào mừng ngày 20/11 | Tập trung | Từ 10/11-15/11 | Học sinh | Toàn trường |
| Tháng 12 | Tiếp bước cha anh | Thăm viếng nghĩa trang liệt sĩ | Cử đội viên tiêu biểu tham gia | 22/12 | TPT, đội viên | BGH |
| Tháng 01 | Mùa xuân bên em | Tuyên truyền | Tập trung | Từ 01/01 | TPT | GVCN các lớp |
| Tháng 02 | Mừng Đảng quang vinh | Tuyên truyền về ngày thành lập Đảng | Sinh hoạt Đội, sinh hoạt lớp | 01/02 | TPT, GVCN | HS |
| Tháng 03 | Cùng tiến bước lên đoàn | Tổ chức thi thể thao, nề nếp chào mừng ngày 26/3 | Tập trung | 20/3 – 26/3 | TPT, BGH | GVCN, HS |
| Tháng 04 | Giải phóng Miền Nam | Tuyên truyền về truyền thống ngày giải phóng Miền Nam | Tập trung | 30/4 | TPT | GVCN các lớp |

**3. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần, tháng.**

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày ở tất cả các khối lớp, mỗi ngày không quá 7 tiết, mỗi tiết 35 phút, mỗi tuần có 10 buổi, có 37 tiết/tuần.

Đảm bảo thực hiện đủ, đúng chương trình giáo dục tiểu học. Bố trí thời gian học tập trên lớp, ở nhà; thời gian ăn nghỉ, vui chơi và tham gia các hoạt động xã hội hợp lý, không gây quá tải cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Các hoạt động dạy học, giáo dục bao gồm hoạt động dạy học giáo dục trong giờ học chính khóa và các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân, chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên bậc học tiếp theo.

***3.1. Khối lớp 1:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Thứ hai** | **Thứ ba** | **Thứ tư** | **Thứ năm** | **Thứ sáu** |
| **Buổi** | **Tiết** |
| Sáng | 1 | HĐTN | Học vần | Đạo đức | Học vần | Kể chuyện |
| 2 | Học vần | Học vần | Học vần | Học vần | Học vần |
| 3 | Học vần | Mĩ thuật | Học vần | Toán | Toán |
| 4 | Toán | Tập viết | TNXH | Tập viết | HĐTN |
| Chiều | 1 | Tiếng Anh | Đọc sách | HĐTN | Thể dục | HDH |
| 2 | Âm nhạc | HDH | HDH | Tiếng anh | HDH |
| 3 | Thể dục | LMT | LÂN | HĐTT | TNXH |
| 4 | HDH |  |  | HDH |  |

***3.2. Khối lớp 2:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Thứ hai** | **Thứ ba** | **Thứ tư** | **Thứ năm** | **Thứ sáu** |
| **Buổi** | **Tiết** |
| Sáng | 1 | HĐTN | Toán | Toán | Toán | Toán |
| 2 | Toán | TV | TV | TV | TV |
| 3 | TV | TV | TV | TV | TV |
| 4 | TV | Đạo Đức | TNXH | TNXH | HĐTN |
| Chiều | 1 | HDH | HDH | TD | TA | HDH |
| 2 | LTD | TD | HDH | HDTT | HDH |
| 3 | HĐTN | MT | HDH | Đ. Sách | LÂN |
| 4 |  | TA |  | ÂN |  |

***3.3. Khối lớp 3:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Thứ hai** | **Thứ ba** | **Thứ tư** | **Thứ năm** | **Thứ sáu** |
| **Buổi** | **Tiết** |
| Sáng | 1 | HĐTN | Tin | Toán | Toán | Toán |
| 2 | Toán | MT | Tiếng Việt | Tiếng Việt | Tiếng Việt |
| 3 | Tiếng Việt | Toán | Tiếng Việt | Công nghệ | TNXH |
| 4 | Tiếng Việt | Tiếng Việt | HĐTN | TA  | HĐTN |
| Chiều | 1 | TA  | TNXH | ÂN | Đọc sách | Tin |
| 2 | Đạo đức | HDH  | HDH | LNT | HDH  |
| 3 | HDH  | HDH  | GDTC | HDH  | GDTC |
| 4 |  |  | TA  |  | TA  |

***3.4. Khối lớp 4, 5:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Thứ hai** | **Thứ ba** | **Thứ tư** | **Thứ năm** | **Thứ sáu** |
| **Buổi** | **Tiết** |
| Sáng | 1 | CC | TA | Toán | LTVC | TLV |
| 2 | Toán | Toán | Tập đọc | Toán | Toán |
| 3 | Tập đọc | Khoa học | Chính tả | Lịch sử | KT |
| 4 | LTVC | TLV | Khoa học | KC | SHL |
| Chiều | 1 | LTD | HDH | Đ. Sách | Tin | Đạo đức |
| 2 | TA | Tin | Địa lí | MT | HĐTT |
| 3 | HDH | ÂN | HDH | HDH | HDH |
| 4 |  | TD |  | TD |  |

**V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**1. Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá học sinh tiểu học**

***1.1. Đổi mới phương pháp dạy học***

Trên cơ sở thành tựu đã đạt được của những năm học trước, năm học 2022-2023, tiếp tục rà soát nội dung tài liệu, tinh giản những nội dung dạy học không phù hợp, bổ sung, cập nhật những thông tin mới, điều chỉnh phương pháp, kĩ thuật dạy học phù hợp. Chủ động tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hỗ trợ kĩ thuật dạy học cho các giáo viên được phân công dạy lớp 1,2,3 theo CTGDPT 2018.

Tiếp tục thực hiện phương pháp “Bàn tay nặn bột” theo Công văn số 3535/BGDĐT-GDTrH ngày 27/5/2013 của Bộ GDĐT.

Xây dựng kế hoạch cụ thể tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu các môn học, hoạt động giáo dục, các kỹ năng mềm; phụ đạo học sinh yếu theo quy định. Động viên, khuyến khích HS tham gia các cuộc thi, sân chơi trí tuệ: Trạng nguyên nhí; Đấu trường Toán học; Vì Thanh Oai giỏi Tiếng Anh lớp 3,4,5…(Nếu CMHS và HS có nhu cầu). Chủ động các giải pháp phát triển đội ngũ học sinh mũi nhọn, nâng cao chất lượng giáo dục đại trà.

***1.2. Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh tiểu học***

Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (sau đây gọi chung là Thông tư 22) đối với học sinh lớp 4,5, thông tư 27 đối với lớp 1,2,3.

Chỉ đạo tổ/nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp với kế hoạch giáo dục từng môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh. Thực hiện đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh bằng các hình thức khác nhau: đánh giá qua việc quan sát các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở hoặc sản phẩm học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học kĩ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

Ban giám hiệu duyệt đề, đáp án các đề kiểm tra đảm bảo chính xác. Chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm hoàn thiện hồ sơ đánh giá học sinh, bàn giao cho nhà trường theo đúng quy định.

 Riêng đối với HS lớp 5: Tổ chức coi, chấm bài kiểm tra có sự tham gia của giáo viên trường THCS Nguyễn Trực – Kim Bài (Trường sẽ nhận học sinh lớp 5 vào học lớp 6) đảm bảo khách quan.

Chỉ đạo giáo viên thực hiện việc bình xét khen thưởng học sinh cuối năm: đúng quy trình, khách quan. Có sự tham gia của các thành phần quy định.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lí nhà trường.

Thực hiện nghiêm túc việc bàn giao chất lượng giáo dục cuối năm học, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”.

***1.3. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, gắn giáo dục nhà trường với thực tiễn cuộc sống***

Thực hiện dạy học gắn kết giữa lí thuyết với thực hành; tăng cường các hoạt động trải nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của học sinh.

Chú trọng tổ chức bài thể dục buổi sáng, bài thể dục giữa giờ và bài thể dục chống mệt mỏi theo quy định.

Thực hiện dạy lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, nhân cách; giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống tai nạn thương tích; …

Chú trọng việc hướng dẫn học sinh xây dựng các chủ đề, dự án học tập, bài luận, bài bình, tranh vẽ, viết chuyện... gắn với các vấn đề thực tiễn, hoạt động giáo dục, các vấn đề đang diễn ra trong xã hội.

Khuyến khích phụ huynh tham gia các dự án cùng con.

Thay đổi không gian, môi trường học tập (học ngoài thiên nhiên, tham quan làng nghề, mô hình lớp học đảo ngược, …)

Chủ động, linh hoạt trong việc thiết kế kế hoạch bài dạy, trau dồi kĩ năng

sử dụng công nghệ thông tin trong việc thiết kế bài giảng Powerpoint, các game

show, sử dụng các phần mêm khi dạy trực tuyến (trong trường hợp HS phải học Online do dịch bệnh).

***1.4. Thực hiện sinh hoạt chuyên môn***

Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giảng dạy, sinh hoạt chuyên môn

theo hướng nghiên cứu bài học 2 tuần/lần.

Phân công giáo viên phụ trách môn học.

Tổ chức các chuyên đề tất cả các môn học trong tháng 8.

Dự giờ thống nhất chuyên môn trong tổ, với các tổ khác, sinh hoạt theo cụm trường.

Thành lập Ban chuyên môn giúp đỡ, giải đáp các vướng mắc cho đồng nghiệp.

**2. Nâng cao chất lượng dạy học Ngoại ngữ và Tin học**

***2.1. Dạy học ngoại ngữ (tiếng Anh)***

Triển khai dạy học môn tiếng Anh tiểu học đủ thời lượng 4 tiết/tuần cho100% học sinh lớp 3; 2 tiết/tuần cho 100% học sinh lớp 4, 5; tổ chức dạy học tiếng Anh tự chọn cho 100% học sinh lớp 1 và lớp 2.

Thực hiện kiểm tra đánh giá theo quy định của Thông tư 22, thông tư 27; chú trọng thực hiện đánh giá thường xuyên; bài kiểm tra định kì cần đánh giá đủ cả 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết.

***2.2. Dạy học môn Tin học và tổ chức hoạt động giáo dục tin học***

Thực hiện Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tin học và tổ chức hoạt động giáo dục tin học cấp tiểu học từ năm học 2019-2020.

Thực hiện có hiệu quả việc xây dựng kế hoạch giáo dục môn học; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo “Hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh” tại Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 của Bộ

GD&ĐT. Tổ chức dạy tin học cho 100% học sinh lớp 3-4-5 với thời lượng 2 tiết/ tuần.

**3. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn**

Nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật theo Luật Người KT, Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật và các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục người khuyết tật.

Nhà trường chỉ đạo GV xây dựng KHGD để dạy học sinh Khuyết tật hòa nhập.

Thực hiện đầy đủ các chính sách đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy học sinh khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập quy định hiện hành.

**4. Tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp;**

**xây dựng, phát triển thư viện trường tiểu học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông**

Tiếp tục thực hiện Công văn số 1401/SGDĐT-GDTH ngày 09/10/2017 về việc hướng dẫn công tác thư viện trường tiểu học.

Tiếp tục duy trì và thực hiện có hiệu quả Mô hình “Thư viện thân thiện trường tiểu học” nhằm hình thành thói quen đọc sách, ý thức tự học, tự nghiên cứu và phát triển ngôn ngữ tiếng Việt cho học sinh tiểu học.

Xây dựng văn hóa đọc sách trong nhà trường bằng các hình thức như: tổ chức dạy học Tiết đọc thư viện; ngày đọc sách; triển lãm sách báo; hội thi kể chuyện theo sách,… Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 46/KH-SGDĐT ngày 30/5/2018 về việc triển khai thực hiện Đề án phát triển văn hóa đọc trong các cơ sở giáo dục, đào tạo đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

**5. Đổi mới công tác quản lý và phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tiểu học**

***5.1. Đổi mới công tác quản lí giáo dục tiểu học***

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí, quán triệt thực hiện Chỉ thị 138/CT-BGDĐT ngày 18/01/2019 về việc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường; ứng dụng các phần mềm quản lý giáo dục để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, giáo viên dành nhiều thời gian thực hiện đổi mới phương pháp dạy học; thực hiện sổ liên lạc điện tử để kết nối với phụ huynh.

***5.2. Phát triển đội ngũ giáo viên***

Phát triển đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lí về cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về chất lượng, động viên giáo viên hoàn thiện đào tạo nâng chuẩn.

Tăng cường tập huấn nâng cao năng lực tổ chức dạy học học tích cực cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên để chuẩn bị cho việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông, đặc biệt là xây dựng và triển khai tốt kế

hoạch tập huấn cho đội ngũ giáo viên dạy lớp 3 năm học 2022-2023.

Tham gia đầy đủ các đợt tập huấn nâng cao năng lực quản lý, tổ chức dạy học đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Nghiêm túc thực hiện chương trình BDTX dành cho cán bộ quản lý, giáo viên tiểu học theo Thông tư 26/2015/TT-BGDĐT, ngày 30/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý trường tiểu học; Thông tư 26/2012/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 7 năm 2012 của Bộ GDĐT về việc ban hành Quy chế Bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên mầm non, giáo viên phổ thông và giáo dục thường xuyên.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ, nâng cao vai trò, trách nhiệm, lương tâm, đạo đức nhà giáo; mỗi thầy giáo, cô giáo phải thực sự là tấm gương sáng cho các em học sinh noi theo. Kiên quyết “*nói không với tiêu cực và bệnh thành tích*

*trong giáo dục*”.

Tổ chức tập huấn các phần mềm dạy học, phần mềm kiểm tra đánh giá đảm bảo 100% giáo viên tiếp tục triển khai thực hiện dạy học trực tuyến sẵn sàng đáp ứng trong thời gian dịch bệnh Covid-19 chưa được kiểm soát phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và cha mẹ học sinh.

Tạo điều kiện để GV nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giáo viên theo lộ trình cụ thể đảm bảo 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019. Khuyến khích, động viên cán bộ, giáo viên, nhân viên tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ.

Tổ chức bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thông qua các hoạt động: Tập huấn, Hội thảo, dự giờ, chuyên đề, SHCM tại các tổ, khối chuyên môn trong trường (cụm trường)...; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức SHCM thông qua hoạt động dự giờ, ngày chuyên môn, chuyên đề, nghiên cứu bài học.

**6. Chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học**

Nhà trường tổ chức rà soát, chỉnh trang các phòng học (đèn, quạt, điện, ...)

Phối kết hợp với hội cha mẹ học sinh nhà trường chỉnh trang khung cảnh sư phạm (cây xanh, trồng thêm hoa ở các bồn cây, làm rèm chống nắng, ...)

Bổ sung thêm sách truyện vào thư viện, sách bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo viên.

**VI. KẾ HOẠCH TỔNG HỢP NĂM HỌC**

**1. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2022-2023 và kế hoạch dạy môn học, hoạt động giáo dục**

- Ngày tựu trường: Thứ Hai ngày 29/8/2022. (Lớp 1: ngày 22/8/2022)

- Ngày khai giảng: ngày 05/9/2022.

- Học kỳ I: Từ ngày 05/9/2022 đến trước ngày 15/01/2023 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

- Học kỳ II: Từ ngày 16/01/2023 đến trước ngày 25/5/2023 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

- Ngày bế giảng năm học: Từ ngày 29/5/2023

**2. Bảng tổng hợp kế hoạch dạy học**

**2.1. Bảng phân phối chương trình lớp 1- Học kỳ 1**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn/ Tuần** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **Tổng thời lượng** |
| Tiếng Việt | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | **216** |
| Toán | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | **54** |
| Đạo đức | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| Tự nhiên và xã hội | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| Giáo dục thể chất | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| Nghệ thuật | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| Hoạt động trải nghiệm | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | **54** |
| **Tổng số tiết bắt buộc/tuần** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **450** |
| Hướng dẫn học | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | **126** |
| Đọc sách TV | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| L.ÂN, L.MT | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| **Tổng số tiết học 2 buổi/ngày** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **630** |
| Tự chọn Tiếng Anh | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| **Tổng số tiết/tuần** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **36** |
| **Tổng** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **666** |

**2.2. Bảng phân phối chương trình lớp 1- Học kỳ 2**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn/ Tuần** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** | **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | **Tổng thời lượng** |
| Tiếng Việt | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 | **204** |
| Toán | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | **51** |
| Đạo đức | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| Tự nhiên và xã hội | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| Giáo dục thể chất | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| Nghệ thuật | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| Hoạt động trải nghiệm | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | **51** |
| **Tổng số tiết bắt buộc/tuần** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **425** |
| Hướng dẫn học | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | **119** |
| Đọc sách TV | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| L.ÂN, L.MT | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| **Tổng số tiết học 2 buổi/ngày** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **595** |
| Tự chọn Tiếng Anh | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| **Tổng số tiết/tuần** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **34** |
| **Tổng** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **629** |

**2.3. Bảng phân phối chương trình lớp 2 - Học kỳ 1**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn/ Tuần** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **Tổng thời lượng** |
| Tiếng Việt | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | **180** |
| Toán | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | **90** |
| Đạo đức | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| Tự nhiên và xã hội | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| Giáo dục thể chất | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| Nghệ thuật | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| Hoạt động trải nghiệm | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | **54** |
| **Tổng số tiết bắt buộc/tuần** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **450** |
| Hướng dẫn học | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | **126** |
| Đọc sách TV | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| L.ÂN, L.MT | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| **Tổng số tiết học 2 buổi/ngày** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **630** |
| Tự chọn Tiếng Anh | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| **Tổng số tiết/tuần** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **36** |
| **Tổng** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **666** |

**2.4. Bảng phân phối chương trình lớp 2- Học kỳ 2**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn/ Tuần** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** | **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | **Tổng thời lượng** |
| Tiếng Việt | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | 10 | **170** |
| Toán | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | **85** |
| Đạo đức | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| Tự nhiên và xã hội | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| Giáo dục thể chất | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| Nghệ thuật | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| Hoạt động trải nghiệm | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | **51** |
| **Tổng số tiết bắt buộc/tuần** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **25** | **425** |
| Hướng dẫn học | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | **119** |
| Đọc sách TV | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| L.ÂN, L.MT | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| **Tổng số tiết học 2 buổi/ngày** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **35** | **595** |
| Tự chọn Tiếng Anh | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| **Tổng số tiết/tuần** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **2** | **34** |
| **Tổng** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **629** |

**2.5. Bảng phân phối chương trình lớp 3- Học kỳ 1**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn/ Tuần** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **Tổng thời lượng** |
| Tiếng Việt | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | **126** |
| Toán | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | **90** |
| Đạo đức | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| Tự nhiên và xã hội | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| Giáo dục thể chất | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| Nghệ thuật | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **36** |
| Hoạt động trải nghiệm | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | **54** |
| Công nghệ | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| Tin học | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| Tiếng Anh | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | **72** |
| **Tổng số tiết bắt buộc/tuần** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **504** |
| Hướng dẫn học | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | **108** |
| Đọc sách TV | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| LNT | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| **Tổng số tiết/tuần** | **8** | **8** | **8** | **8** | **8** | **8** | **8** | **8** | **8** | **8** | **8** | **8** | **8** | **8** | **8** | **8** | **8** | **8** | **144** |
| **Tổng số tiết học 2 buổi/ngày** | **36** | **36** | **36** | **36** | **36** | **36** | **36** | **36** | **36** | **36** | **36** | **36** | **36** | **36** | **36** | **36** | **36** | **36** | **648** |
| Tăng cường tin học | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| **Tổng số tiết/tuần** | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **18** |
| **Tổng** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **666** |

**2.6. Bảng phân phối chương trình lớp 3- Học kỳ 2**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn/ Tuần** | **19** | **20** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** | **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | **Tổng thời lượng** |
| Tiếng Việt | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | 7 | **119** |
| Toán | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | **85** |
| Đạo đức | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| Tự nhiên và xã hội | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| Giáo dục thể chất | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| Nghệ thuật | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 | **34** |
| Hoạt động trải nghiệm | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | **51** |
| Công nghệ | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| Tin học | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| Tiếng Anh | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | 4 | **68** |
| **Tổng số tiết bắt buộc/tuần** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **28** | **475** |
| Hướng dẫn học | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | 6 | **102** |
| Đọc sách TV | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| LNT | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| **Tổng số tiết/tuần** | **8** | **8** | **8** | **8** | **8** | **8** | **8** | **8** | **8** | **8** | **8** | **8** | **8** | **8** | **8** | **8** | **8** | **136** |
| **Tổng số tiết học 2 buổi/ngày** | **36** | **36** | **36** | **36** | **36** | **36** | **36** | **36** | **36** | **36** | **36** | **36** | **36** | **36** | **36** | **36** | **36** | **612** |
| Tăng cường tin học | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| **Tổng số tiết/tuần** | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | **17** |
| **Tổng** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **37** | **629** |

**VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Phân công nhiệm vụ**

***1.1. Đối với Hiệu trưởng:***

Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch; chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tổ chức thực hiện tốt công tác truyền thông Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tham mưu cấp trên về xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ.

Chủ trì xây dựng các tiêu chí thi đua trong nhà trường.

Ban hành quyết định thành lập tổ chuyên môn; quyết định bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn.

Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 của giáo viên.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

***1.2. Đối với Phó hiệu trưởng:***

Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, đảm bảo dạy không quá 7 tiết/ngày; 10 buổi /tuần.

Quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn; công tác thư viện, thiết bị; quản lý các phần mềm liên quan đến hoạt động chuyên môn.

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chậm tiến bộ và các hoạt động khác có liên quan đến các hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường về dạy học lớp 1; 2; 3 theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

***1.3. Đối với Tổ trưởng tổ chuyên môn:***

Xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động chuyên môn của tổ.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề và theo nghiên cứu bài học; đổi mới phương pháp dạy học và lựa chọn nội dung dạy học; những vấn đề vướng mắc trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đối với lớp 1; 2; 3.

Dự giờ, góp ý, rút kinh nghiệm tiết dạy cho giáo viên; bồi dưỡng giáo viên trong tổ.

Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ.

Tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác.

***1.4. Đối với giáo viên:***

Thực hiện tốt công tác và giảng dạy, giáo dục đảm bảo chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học; soạn bài, lên lớp, kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh.

Quản lí học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động chuyên môn.

Chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục.

Trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; g­ương mẫu trước học sinh, th­ương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.

Học tập, rèn luyện để nâng cao sức khỏe, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Tham gia công tác phổ cập giáo dục tiểu học ở địa phương.

Thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành, các quyết định của Hiệu trưởng; nhận nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công, chịu sự kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng và các cấp quản lí giáo dục.

Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động giáo dục.

***1.5. Đối với Tổng phụ trách Đội:***

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh ở nhà trường góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.

Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm.

***1.6. Đối với nhân viên thư viện, thiết bị:***

Tổ chức các hoạt động của thư viện, thiết bị.

Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học.

Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.

Tham mưu với lãnh đạo trường về kế hoạch tổ chức Ngày hội đọc sách.

Tham mưu với lãnh đạo trường về mua sắm bổ sung sách báo, trang thiết bị dạy học theo đề xuất của giáo viên.

**2. Công tác kiểm tra**

Thực hiện đầy đủ các loại hình kiểm tra như kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên; kiểm tra chuyên đề; kiểm tra hoạt động của các Tổ chuyên môn, các bộ phận.

Qua kiểm tra đánh giá đúng thực trạng, chỉ rõ những ưu, khuyết điểm của giáo viên để kịp thời động viên, nhắc nhở, xử lý, khắc phục, giúp giáo viên nhận ra từng điểm mạnh, điểm yếu của mình để tăng cường hoạt động tự kiểm tra, tự bồi dưỡng một cách hiệu quả và thiết thực.

Việc tổ chức kiểm traphải đúng quy trình,đảm bảo tính công khai, dân chủ, chính xác, trung thực, khách quan, kịp thời, không trùng lặp, không làm cản trở hoạt động bình thường của bộ phận, cá nhân được kiểm tra và phải thực hiện theo đúng quy trình kiểm tra.

**3. Chế độ báo cáo**

Cập nhật kịp thời các hoạt động, thông tin của trên phần mềm EnetViet và trang Website của trường.

Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kì và đột xuất cho Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội; Phòng Giáo dục - Đào tạo Thanh Oai.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2022 - 2023 của Trường Tiểu học thị trấn Kim Bài. Kế hoạch được thông qua tại Hội nghị công chức, viên chức, người lao động đầu năm học. Đề nghị cán bộ, giáo viên, nhân viên trường nghiêm túc thực hiện ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:**** Phòng GD&ĐT (để b/c);
* Tổ trưởng chuyên môn; GV( để t/h);
* Lưu: hồ sơ, VT(Chung03).
 | **HIỆU TRƯỞNG****Lê Thị Kim Thái** |